

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST

Ngày 31 – 5 – 2024

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Hữu Đồng.

- Ông Trần Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thuỳ Dung - Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Thủy – Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 71/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị H. Sinh năm 199x. Địa chỉ: thôn MT, xã HA, huyện HL, tỉnh Quảng Trị. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Xuân Ph. Sinh năm 199x. Hộ khẩu thường trú: xóm A, xã HS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Hiện nay đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Đắc Trung – Cục C10 – Bộ công an. Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày như sau: - Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị H và ông Nguyễn Xuân Ph làm thủ tục đăng ký kết hôn vào ngày 17/4/201x tại Ủy ban nhân dân xã HS, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Việc kết hôn giữa bà Phan Thị H và ông Nguyễn Xuân Ph là trên tinh thần tự nguyện của hai bên, không bị ai ép buộc. Từ khi kết hôn đến năm 2014 vợ chồng sống hạnh phúc. Từ năm 2015 đến năm 2020 hai người sống ly thân. Từ năm 2020 đến nay, ông Nguyễn Xuân Ph bị bắt tạm giam và đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Đắc Trung. Đến nay bà Phan Thị H thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Phan Thị H được ly hôn ông Nguyễn Xuân Ph.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà Phan Thị H và ông Nguyễn Xuân Ph có 01 (Một) con chung là Nguyễn Thị DM – sinh ngày 19/8/201x. Nay ly hôn, bà Phan Thị H đề nghị Tòa án giao con chung cho bà Phan Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu ông Nguyễn Xuân Ph phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phan Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân khi ly hôn.

Theo bản tự khai ghi ngày 08/4/2024, bị đơn là ông Nguyễn Xuân Ph trình bày như sau: Ông Nguyễn Xuân Ph đồng ý với ý kiến trình bày của bà Phan Thị H về mối quan hệ hôn nhân, thời gian kết hôn, thời gian sống ly thân, con chung. Ông Nguyễn Xuân Ph đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H.

- Về con chung: Ông Nguyễn Xuân Ph đề nghị Tòa án giao cho bà Phan Thị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là Nguyễn Thị DM – sinh ngày 19/8/201x cho đến khi đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Xuân Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân khi ly hôn.

Tại phần tranh luận: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An trình bày ý kiến như sau: Từ khi thụ lý vụ án, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phan Thị H được ly hôn ông Nguyễn Xuân Ph.

- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị DM – sinh ngày 19/8/201x cho bà Phan Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Bà Phan Thị H không yêu cầu ông Nguyễn Xuân Ph phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phan Thị H, ông Nguyễn Xuân Ph đều không yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân khi ly hôn nên không xem xét.

- Về án phí: Buộc bà Phan Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là ông Nguyễn Xuân Ph có hộ khẩu thường trú tại xóm 8 cũ (nay là xóm 3), xã HS, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Bà Phan Thị H có đơn khởi kiện với yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn Xuân Ph và đề nghị giải quyết việc nuôi con chung, do đó đây là vụ án ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn. Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã có ý kiến trình bày đầy đủ, việc vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ ý kiến của Ủy ban nhân dân xã HS, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An trình bày tại văn bản số 11/UBND.TP ngày 04/5/2024 và căn cứ ý kiến trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xác định bà Phan Thị H và ông Nguyễn Xuân Ph làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã HS, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/4/201x; việc kết hôn giữa hai người là trên tinh thần tự nguyện, không bị ai ép buộc do đó hôn nhân giữa bà Phan Thị H và ông Nguyễn Xuân Ph là hợp pháp.

Hội đồng xét xử thấy rằng ông Nguyễn Xuân Ph và bà Phan Thị H sống ly thân từ năm 2015. Từ năm 2020 đến nay ông Nguyễn Xuân Ph đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Đắc Trung nên không có điều kiện chăm lo cho cuộc sống gia đình; cả hai người đều không còn chăm lo cho nhau, điều đó cho thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và cả hai người đều đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, vì vậy căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H và giải quyết cho bà Phan Thị H được ly hôn ông Nguyễn Xuân Ph.

[4] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà Phan Thị H và ông Nguyễn Xuân Ph có 01 (Một) con chung là Nguyễn Thị DM – sinh ngày 19/8/201x. Hội đồng xét xử thấy rằng ông Nguyễn Xuân Ph, bà Phan Thị H đều đề nghị giao con chung cho bà Phan Thị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; căn cứ nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị DM muốn được sống cùng với bà Phan Thị H và hơn nữa hiện nay ông Nguyễn Xuân Ph đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Đắc Trung nên không thể chăm sóc, nuôi dưỡng con. Do đó Hội đồng xét xử giao con chung chưa thành niên là Nguyễn Thị DM cho bà Phan Thị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Bà Phan Thị H không yêu cầu ông Nguyễn Xuân Ph phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Phan Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phan Thị H được ly hôn ông Nguyễn Xuân Ph.

2. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Nguyễn Thị DM – sinh ngày 19/8/201x cho bà Phan Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Bà Phan Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do bà Phan Thị H đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009433 ngày 21/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

5. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đô Lương;
- Chi cục THADS huyện Đô Lương;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã HS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Hà